

Bản án số 284/2017/HS-ST
Ngày 31-10-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Kim Châu Hồ;

2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đình Đông Quân, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông **Cao Tấn Ngoan** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 309/2017/TLST – HS ngày 12 tháng 10 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2017/HSST-QĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Lê Đức M, sinh năm 1980 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Tổ 2, khu phố 7, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; cha (không rõ) và mẹ Lê Thị N, sinh năm 1957; tiền án: Bản án số 266/2016/HSST ngày 27/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và 08 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt là 01 năm 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/5/2017; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 60/HSST ngày 13/4/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản công dân và 12 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân, tổng hợp hình phạt là 36 tháng tù, chấp hành xong hình phạt ngày 29/6/2002; bản án số 40/HSST ngày 10/5/2004, Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 25/11/2005; bản án số 144/HSST ngày 17/10/2006, Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 20/12/2008; thời hạn tạm giam từ ngày 16/8/2017.

Người bị hại: Anh Trần Đình Q, sinh năm 1983; thường trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Số nhà 20/27 khu phố T, phường D, thị xã , tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn S, sinh năm 1958; thường trú: 67A khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

2. Ông Lương Văn S, sinh năm 1970; thường trú: 41/26 khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 16/8/2017, Lê Đức M đi bộ đến khu dãy trọ số 20/27 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương thì phát hiện anh Trần Đình Q có xe mô tô biển số 36P1-1054 nên đến gặp làm quen, nói chuyện. Lê Đức M nói dối lô đất đối diện dãy trọ là của mình và mời anh Q ra phía trước tiệm tạp hóa kế lô đất ngồi uống nước. Trong lúc nói chuyện, M biết anh Q là thợ hồ. Do đó, Lê Đức M nói muốn xây gara ô tô, cần thuê người dọn mặt bằng, hạ nền xuống thấp 20cm. M thỏa thuận thuê anh Q thi công với giá 15.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, anh Q đi về phòng trọ còn M đi bộ xung quanh lô đất. Khoảng 05 phút sau, M đi vào phòng trọ gặp anh Q mượn xe mô tô của anh Q để đi mua thức ăn. Sau khi anh Q giao xe, M điều khiển xe đi tìm nơi tiêu thụ. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, M điều khiển xe đến tiệm mua bán xe “Tuấn Anh” tại địa chỉ 67A khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thỏa thuận bán cho ông Trần Văn S với giá 4.000.000 đồng. Do xe không có giấy tờ, ông Sưng nghi ngờ nên báo cho công an phường Long Bình Tân. Thấy ông Sưng gọi điện, M chạy xe về hướng Bà Rịa – Vũng Tàu được khoảng 200m thì ông S và anh L đuổi theo bắt giữ cùng tang vật.

Theo kết luận định giá số 204/BB.ĐG ngày 28/8/2017 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An kết luận: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là xe mô tô hiệu Honda kiểu dáng Wave biển số 36P1-1054, giá trị 5.500.000 đồng, đã thu hồi trả lại cho người bị hại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá số 204/BB.ĐG ngày 28/8/2017 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An nêu trên.

Tại cáo trạng số 295/QĐ - KSĐT ngày 11 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Đức M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm g, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lê Đức M mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/8/2017, trước dãy nhà trọ số 20/27 khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương, Lê Đức M mượn xe mô tô hiệu Honda kiểu dáng Wave biển số 36P1-1054 của anh Trần Đình Q đi mua thức ăn. Sau đó, M điều khiển xe đến tiệm mua bán xe “Tuấn Anh” tại địa chỉ 67A khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai bán cho ông Trần Văn S với giá 4.000.000 đồng. Do nghi ngờ nên ông S gọi điện cho công an phường L. Thấy ông S gọi điện, M chạy xe về hướng Bà Rịa – Vũng Tàu được khoảng 200m thì bị ông S và anh L đuổi theo bắt giữ cùng tang vật.

[3] Tại Điều 139 Bộ luật Hình sự quy định như sau “1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ năm trăm nghìn đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”. Như vậy, bị cáo Lê Đức M dùng thủ đoạn gian dối mượn tài sản là xe mô tô hiệu Honda kiểu dáng Wave biển số 36P1-1054 của anh Trần Đình Q có giá trị 5.500.000 đồng để đi mua đồ nhưng sau đó đến tiệm mua bán xe “Tuấn Anh” bán với giá 4.000.000đ đã đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cáo trạng số 295/QĐ - KSĐT ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tù tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến

các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bản án số 266/2016/HSST ngày 27/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và 08 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt là 01 năm 06 tháng tù, chấp hành xong ngày 13/5/2017, bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý là tình tiết tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu: Bản án số 60/HSST ngày 13/4/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản công dân và 12 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân, tổng hợp hình phạt là 36 tháng tù, chấp hành xong hình phạt ngày 29/6/2002; bản án số 40/HSST ngày 10/5/2004, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 25/11/2005; bản án số 144/HSST ngày 17/10/2006, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 20/12/2008. Bị cáo là người sống lang thang, không có nghề nghiệp ổn định.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là xe mô tô hiệu Honda kiểu dáng Wave biển số 36P1-1054, giá trị 5.500.000 đồng, đã thu hồi trả lại cho người bị hại, tại cơ quan điều tra người bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Đức M phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Đức M 01(một) năm 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2017.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- Công an thị xã Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (1);
- Bị cáo (1);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (1);
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (1);
- UBND phường Ba Đình, TX Bim
- Sơ, tỉnh Thanh Hóa (1);
- Người tham gia tố tụng (3)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền

